

QUY ĐỊNH NIÊM YẾT TẠI QUẦY VỀ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM CÁ NHÂN TẠI ABBANK

Hiệu lực từ ngày ..05./07./2019

I. Người gửi tiền:

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
2. Công dân Việt nam từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật được tự mình thực hiện giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK).
3. Công dân Việt Nam bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hoặc chưa đủ 15 tuổi thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm thông qua người đại diện theo pháp luật; công dân Việt Nam có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật thực hiện giao dịch tiền gửi tiết kiệm thông qua người giám hộ.

II. Phạm vi gửi tiền

1. Công dân Việt Nam được gửi tiền tiết kiệm bằng đồng Việt Nam.
2. Công dân Việt Nam là người cư trú được gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ.

III. Số tiền gửi tiết kiệm

1. **Số tiền gửi tối thiểu:** Theo chính sách của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ đối với từng sản phẩm tiền gửi tiết kiệm cụ thể hoặc theo quy định của pháp luật (nếu có). Trong trường hợp pháp luật và chính sách sản phẩm của ABBANK không có quy định thì số tiền gửi tối thiểu áp dụng như sau:
 - a. Đối với VND là 500.000 (Năm trăm ngàn đồng);
 - b. Đối với USD là 50 USD (Năm mươi đô la Mỹ);
 - c. Đối với loại ngoại tệ khác USD thì thực hiện quy định của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ.
2. **Số tiền gửi tối đa:** Không quy định mức gửi tối đa.

IV. Đồng tiền ABBANK nhận gửi tiết kiệm: VND, USD và các loại ngoại tệ khác (các loại ngoại tệ ngoài USD thực hiện theo các quy định do Tổng Giám đốc ABABNK ban hành từng thời kỳ).

V. Đồng tiền chi trả tiền gửi tiết kiệm:

1. **Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam:** Đồng tiền chi trả gốc, lãi là đồng Việt Nam.
2. **Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ:**
 - a. Đồng tiền chi trả gốc, lãi là loại ngoại tệ mà người gửi tiền đã gửi vào. Khi người gửi tiền có yêu cầu, ABBANK có thể chi trả bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ mua chuyên khoản do ABBANK quy định tại thời điểm chi trả.
 - b. Đối với ngoại tệ lẻ, ABBANK sẽ chi trả cho Khách hàng (KH) số lượng ngoại tệ lẻ nếu ABBANK có đủ số lượng ngoại tệ lẻ ngay tại thời điểm chi trả. Trường hợp ABBANK không có đủ nguồn ngoại tệ lẻ, ABBANK sẽ chi trả cho KH bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua chuyên khoản do ABBANK quy định tại thời điểm chi trả.

VI. Thủ tục gửi tiền tiết kiệm tại địa điểm giao dịch của ABBANK: Các giấy tờ xuất trình cho ABBANK để thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm phải là giấy tờ bản chính và còn hiệu lực tại thời điểm xác lập, thực hiện giao dịch.



1. Thủ tục gửi tiền tiết kiệm:

- a. Địa điểm thực hiện: KH được quyền gửi tiền tại bất kỳ Đơn vị kinh doanh (ĐVKD) nào của ABBANK.
- b. Cách thức thực hiện: KH phải **trực tiếp** đến ABBANK thực hiện giao dịch gửi tiền.
- c. Thủ tục thực hiện:
 - i. KH xuất trình các giấy tờ xác minh thông tin theo quy định ABBANK.
 - ii. KH đăng ký thông tin theo các mẫu biểu của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ.
 - iii. KH phải đăng ký chữ ký mẫu lưu tại ABBANK, khi KH thực hiện các giao dịch liên quan đến Thẻ tiết kiệm hoặc Sổ tiết kiệm (sau đây gọi chung là Thẻ tiết kiệm (TTK)): TTK sẽ được đối chiếu với mẫu chữ ký lưu trữ tại ABBANK.
 - iv. KH xuất trình các giấy tờ/ thực hiện các thủ tục khác theo hướng dẫn/quy định của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ đối với từng sản phẩm/trường hợp cụ thể.
- d. Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục nêu trên và KSV, GDV kiểm tra, đối chiếu tính xác thực của hồ sơ do KH cung cấp thì thực hiện nhận tiền gửi tiết kiệm và giao TTK cho KH.

2. Thủ tục gửi tiền tiết kiệm đối với TTK đồng chủ sở hữu:

- a. Địa điểm thực hiện: KH được quyền gửi tiền tại bất kỳ ĐVKD nào của ABBANK
- b. Cách thức thực hiện: Các đồng chủ sở hữu phải **trực tiếp** đến ABBANK làm thủ tục gửi tiền.
- c. Thủ tục thực hiện:
 - i. KH phải cung cấp các hồ sơ và thực hiện các thủ tục quy định tại tiết (i), (ii), (iii), (iv) Điểm c Khoản 1 Điều này.
 - ii. KH điền nội dung vào Văn bản thỏa thuận đồng chủ sở hữu TTK theo mẫu biểu của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ (nếu có). Trong trường hợp ABBANK không có mẫu Văn bản thỏa thuận đồng chủ sở hữu thì KH cung cấp Văn bản thỏa thuận đồng chủ sở hữu TTK (công chứng/chứng thực (nếu thực hiện được)) và phải có **tối thiểu** các nội dung sau:
 - Cử người đại diện đồng chủ sở hữu thực hiện giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm (một trong các đồng chủ sở hữu hay tất cả đồng chủ sở hữu được quyền thực hiện các giao dịch liên quan đến TTK tại ABBANK).
 - Quyền và nghĩa vụ của từng chủ sở hữu đối với TTK đồng chủ sở hữu.
 - Thỏa thuận về việc thực hiện giao dịch chuyển quyền sở hữu cho bên thứ ba đối với TTK.
 - Số tiền sở hữu của mỗi đồng chủ sở hữu (nếu có).

Lưu ý:

- i. ABBANK **không** nhận tiền gửi tiết kiệm trong trường hợp một trong các bên đồng chủ sở hữu TTK là cá nhân có người giám hộ; hoặc TTK đồng chủ sở hữu giữa một bên là người được giám hộ và một bên là người giám hộ của người đó; hoặc một trong các bên đồng chủ sở hữu là một tổ chức.
 - ii. ABBANK thực hiện mở TTK đồng chủ sở hữu cho 02 (hai) cá nhân. Trường hợp mở TTK đồng chủ sở hữu cho từ 03 cá nhân trở lên, ĐVKD thực hiện theo từng chính sách sản phẩm của ABBANK theo từng thời kỳ. Trong trường hợp chính sách sản phẩm của ABBANK không có quy định thì ĐVKD trình Tổng Giám đốc/người được Tổng Giám đốc phân quyền xem xét phê duyệt.
- ### 3. Thủ tục gửi tiền gửi tiết kiệm vào TTK đã cấp (Chỉ áp dụng đối với tiền gửi tiết kiệm KKH, đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn thực hiện theo chính sách sản phẩm của ABBANK ban hành từng thời kỳ (nếu có)):
- a. Địa điểm thực hiện: KH được quyền gửi tiền tại bất kỳ ĐVKD nào của ABBANK

- b. Thủ tục thực hiện:
 - i. KH xuất trình các giấy tờ xác minh thông tin theo quy định tại ABBANK; và TTK đã được ABBANK cấp.
 - ii. KH xuất trình các giấy tờ/ thực hiện các thủ tục khác theo quy định của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ đối với từng sản phẩm cụ thể.
 - c. Sau khi KH thực hiện đầy đủ các thủ tục nêu trên và KSV, GDV kiểm tra tính xác thực của hồ sơ do KH cung cấp thì thực hiện nhận tiền gửi tiết kiệm, ghi nhận tiền gửi tiết kiệm vào TTK đã cấp và giao TTK cho KH.
4. Khi thực hiện thủ tục gửi tiền tiết kiệm được quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, KH có thể lựa chọn hình thức nộp tiền mặt hoặc trích tiền từ tài khoản thanh toán của KH mở tại ABBANK. ĐVKD phải yêu cầu KH lập phiếu báo nộp tiền mặt/ Ủy nhiệm chi/ chứng từ khác theo quy định giao dịch tại quầy của ABBANK ban hành từng thời kỳ.

Lưu ý: KH phải đăng ký thay đổi thông tin của chủ sở hữu tiền gửi tiết kiệm/chữ ký mẫu trong trường hợp có thay đổi thông tin/chữ ký mẫu so với thời điểm gửi tiền ban đầu. Trường hợp có thay đổi thông tin thì phải kèm theo các hồ sơ chứng minh việc thay đổi thông tin đó. Đơn vị thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đồng thời với thủ tục nhận tiền gửi tiết kiệm.

VII. Địa điểm nhận và chi trả tiền gửi tiết kiệm: Tại tất cả các điểm giao dịch của ABBANK.

VIII. Lãi suất và phương thức trả lãi tiền gửi tiết kiệm:

1. **Mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm:** Do Tổng Giám đốc ABBANK quy định cho từng loại sản phẩm tiết kiệm phù hợp với lãi suất thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động của ABBANK.

2. **Nguyên tắc tính lãi:**

- a. Lãi suất tính lãi: Được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày.
- b. Thời gian sử dụng để quy đổi mức lãi suất tính lãi theo tỷ lệ %/tháng, %/tuần, %/giờ sang mức lãi suất theo tỷ lệ %/ngày; quy đổi mức lãi suất theo tỷ lệ %/ngày sang mức lãi suất theo tỷ lệ %/năm và ngược lại được tính như sau:
 - i. Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày;
 - ii. Một tháng là ba mươi ngày;
 - iii. Một tuần là bảy ngày;
 - iv. Một ngày là hai mươi tư giờ.

3. **Phương pháp tính lãi:**

Tiền lãi được tính theo số ngày thực tế đã gửi nhân với số tiền gốc nhân với lãi suất (%/năm) và chia cho 365 ngày (trường hợp nếu có thay đổi thực hiện theo quy định hiện hành của ABBANK, quy định của Ngân hàng nhà nước và pháp luật), công thức tính lãi như sau:

$$L = \frac{m * r * t}{365}$$

Trong đó:

- L : Tổng số tiền lãi
- m : Số tiền gửi trong kỳ
- r : Lãi suất của kỳ hạn gửi (%/năm)
- t : Số ngày gửi thực tế của KH.

4. **Thời hạn tính lãi:**

Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi).

IX. Thủ tục rút tiền gửi tiết kiệm

1. Rút tiền gửi tiết kiệm vào đúng ngày đến hạn thanh toán:

Khi rút gốc, lãi của TTK, Chủ TTK thực hiện các thủ tục sau:

- a. Xuất trình TTK bản chính hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo Quy định này hoặc theo chính sách sản phẩm của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ.
- b. Đăng ký thông tin về việc rút gốc, lãi theo mẫu biểu của ABBANK và ký đúng chữ ký mẫu đã đăng ký tại ABBANK.
- c. Xuất trình Giấy tờ xác minh thông tin theo quy định tại ABBANK.
- d. Người rút tiền thực hiện các thủ tục khác do ABBANK quy định theo từng thời kỳ.

2. Trường hợp rút tiền gửi tiết kiệm trước hạn:

- a. Trừ trường hợp chính sách sản phẩm của ABBANK có quy định khác hoặc pháp luật có quy định khác, KH được rút toàn bộ tiền gửi tiết kiệm trước hạn khi:
 - i. KH có thỏa thuận với ABBANK hoặc chính sách sản phẩm của ABBANK có quy định về rút trước hạn; và
 - ii. KH phải thông báo trước bằng văn bản cho ABBANK ít nhất 02 (hai) ngày làm việc; và
 - iii. KH đảm bảo các điều kiện khác theo từng chính sách sản phẩm của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ (nếu có).
- b. Lãi và phí rút trước hạn:
 - i. Lãi: KH được hưởng lãi suất không kỳ hạn (KKH) tại thời điểm rút trước hạn tương ứng với số ngày thực gửi theo quy định của ABBANK và pháp luật.
 - ii. Phí: KH chịu phí rút trước hạn theo biểu phí của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ.
 - iii. Nếu KH rút trước hạn trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt để mở TTK thì phải chịu thêm phí kiểm đếm theo biểu phí của ABBANK tại thời điểm rút tiền.

X. Thanh toán gốc và lãi tiền gửi tiết kiệm

1. Thời điểm thanh toán:

- a. Gốc: Thanh toán vào đúng ngày đến hạn trên TTK.
- b. Lãi: Thanh toán vào ngày đến hạn trên TTK hoặc theo quy định tại từng chính sách sản phẩm của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ hoặc theo thỏa thuận với KH tại thời điểm xác lập giao dịch gửi tiền.

2. Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam của công dân Việt Nam là người cư trú, KH được quyền yêu cầu ABBANK chi trả gốc, lãi vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của chính KH.
3. Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam của công dân Việt Nam là người không cư trú gửi bằng cách trích tiền từ tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của KH, thì KH được yêu cầu ABBANK chi trả gốc bằng số tiền đã gửi và lãi tương ứng vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam đó của chính KH.
4. Đối với tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ của công dân Việt Nam là người cư trú gửi bằng cách trích tiền từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của KH, thì KH được yêu cầu ABBANK chi trả gốc bằng số tiền đã gửi và lãi tương ứng vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ đó của chính KH.

XI. Kéo dài (tái tục) thời hạn gửi tiền:

1. Trừ trường hợp chính sách sản phẩm của ABBANK hoặc pháp luật có quy định khác, khi đến hạn thanh toán tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, nếu KH không đến rút tiền và không có yêu cầu gì khác thì ABBANK sẽ nhập lãi (nếu có) vào gốc và kéo dài thêm một kỳ hạn mới bằng kỳ hạn gửi ban đầu. Trường hợp ABBANK không còn áp dụng kỳ hạn trên TTK, ABBANK sẽ kéo dài thêm một kỳ

hạn bằng kỳ hạn ngắn hơn liền kề theo quy định của ABBANK tại thời điểm tái tục. Lãi suất KH được hưởng sẽ tương ứng với lãi suất của kỳ hạn tái tục theo quy định của ABBANK tại thời điểm tái tục.

2. Nếu người gửi tiền không duy trì tròn kỳ tái tục tự động mà rút trước ngày đáo hạn của kỳ hạn tái tục thì ABBANK sẽ chi trả theo lãi suất tiền gửi KKH của ABBANK tại thời điểm chi trả cho khoảng thời gian từ ngày tự động tái tục đến ngày liền kề trước ngày rút tiền.
3. Trường hợp ABBANK không còn áp dụng sản phẩm tiết kiệm trên TTK, ABBANK sẽ tự động chuyển sang hình thức tiết kiệm KKH. Trường hợp sản phẩm có quy định riêng thì thực hiện theo quy định của sản phẩm.

XII. Tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm và biện pháp thông báo khi có thay đổi đối với khoản tiền gửi tiết kiệm:

1. Tra cứu khoản tiền gửi tiết kiệm:

- a. KH đăng ký sử dụng dịch vụ Online (Esaving); ABBANK Mobile (Msaving) để sử dụng dịch vụ và tra cứu các khoản tiền gửi tiết kiệm theo quy định của ABBANK.
- b. KH vào trang website của ABBANK www.abbank.vn đăng ký thông tin và thực hiện tra cứu các khoản tiền gửi tiết kiệm theo quy định của ABBANK ban hành từng thời kỳ.

2. Thông báo khi có thay đổi với khoản tiền gửi tiết kiệm:

KH đăng ký sử dụng dịch vụ SMS Banking để nhận thông tin khi có thay đổi với khoản tiền gửi hoặc thực hiện theo quy định của ABBANK ban hành từng thời kỳ.

XIII. Ủy quyền:

1. Việc ủy quyền phải tuân theo các quy định do ABBANK ban hành từng thời kỳ
 - a. Trừ trường hợp Quy định này hoặc chính sách sản phẩm của ABBANK hoặc pháp luật có quy định khác, chủ sở hữu TTK có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mình thực hiện các giao dịch liên quan đến TTK tại ABBANK.
 - b. ABBANK không chấp nhận việc ủy quyền cho người khác thay mình thực hiện các giao dịch liên quan đến TTK trong các trường hợp sau:
 - i. Người giám hộ (Đối với TTK có người giám hộ) ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan đến TTK của người được giám hộ.
 - ii. Chủ sở hữu TTK ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch cầm cố TTK cho mục đích vay vốn tại ABBANK.
 - iii. Người được ủy quyền (NĐUQ), ủy quyền lại cho người thứ ba.
 - iv. Một TTK ủy quyền cho nhiều người.
2. Việc thực hiện ủy quyền được thực hiện theo một trong các hình thức sau:
 - a. Văn bản ủy quyền thực hiện theo mẫu của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ. KH thực hiện việc ủy quyền tại bất kỳ ĐVKD nào trên toàn hệ thống của ABBANK. GDV/KSV có trách nhiệm hướng dẫn KH thực hiện các thủ tục ủy quyền, kiểm tra thông tin KH trên hồ sơ và đối chiếu với thông tin trên hệ thống đảm bảo tính chính xác và phải có xác nhận của người có thẩm quyền đại diện của ABBANK.
 - b. Văn bản ủy quyền do KH lập ngoài địa điểm kinh doanh của ABBANK. Trong trường hợp này, việc ủy quyền phải đảm bảo tuân thủ các quy định sau:
 - i. Văn bản ủy quyền do KH lập phải được công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật. Trường hợp người ủy quyền đang ở nước ngoài thì có thể thực hiện thủ tục công chứng Văn bản ủy quyền tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam tại nước đó, sau đó gửi bản gốc Văn bản ủy quyền về Việt Nam để người được ủy quyền tiếp tục thủ tục công chứng nhận ủy quyền tại Tổ chức hành nghề công chứng tại Việt Nam. Trường hợp Văn bản ủy quyền được lập bằng tiếng

nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và phải được công chứng chứng nhận bản dịch tại tổ chức hành nghề công chứng.

- ii. Nội dung văn bản ủy quyền phải đầy đủ các yếu tố cơ bản sau: Họ và tên, địa chỉ, thông tin Giấy tờ xác minh thông tin và chữ ký của người ủy quyền, người được ủy quyền, nội dung phạm vi ủy quyền phù hợp với giao dịch, thời hạn ủy quyền.
 - c. Đối với trường hợp người không viết được/không đọc được/không ký được/không điếm chỉ được nếu KH ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch liên quan đến TTK thì ĐVKD giải thích, hướng dẫn KH thực hiện văn bản ủy quyền được công chứng hợp pháp tại Tổ chức hành nghề công chứng nhằm giảm thiểu rủi ro cho KH và ABBANK.
3. Thời hạn ủy quyền:
- a. Xác định theo Văn bản ủy quyền.
 - b. Trong trường hợp Văn bản ủy quyền không có quy định/có quy định nhưng không xác định được về thời hạn ủy quyền thì văn bản ủy quyền có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày xác lập việc ủy quyền.
4. Các trường hợp chấm dứt ủy quyền:
- a. Thời hạn ủy quyền đã hết;
 - b. Công việc được ủy quyền đã hoàn thành;
 - c. Người ủy quyền hoặc người được ủy quyền đơn phương chấm dứt thực hiện việc ủy quyền;
 - d. Người ủy quyền, người được ủy quyền là cá nhân chết; hoặc bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự/hạn chế năng lực hành vi dân sự/mất khả năng nhận thức làm chủ hành vi;
 - e. Các căn cứ khác làm cho việc ủy quyền không thể thực hiện được.

XIV. Chuyển giao quyền sở hữu:

1. Nguyên tắc chuyển giao quyền sở hữu:

- a. Chủ sở hữu TTK được quyền chuyển giao quyền sở hữu TTK cho **người nhận chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm (NNCQ) là một cá nhân, ngoại trừ** các trường hợp sau:
 - i. TTK có người giám hộ.
 - ii. NNCQ là người chưa thành niên dưới 15 tuổi/người bị mất năng lực hành vi dân sự/hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật.
 - iii. TTK trả lãi trước.
 - iv. Chuyển giao quyền sở hữu 01 (một) phần tiền của TTK.
 - v. Chính sách sản phẩm của ABBANK có quy định hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao quyền sở hữu TTK.
- b. Người chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi tiết kiệm (NCQ) và NNCQ TTK tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về các điều khoản chuyển giao quyền sở hữu.
- c. NNCQ TTK cũng phải đáp ứng đủ các điều kiện về đối tượng được mở TTK theo quy định của ABBANK và theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận chuyển giao quyền sở hữu TTK, toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến TTK sẽ do NNCQ thực hiện. Các ủy quyền (nếu có) phát sinh trước khi chuyển giao quyền sở hữu TTK sẽ hết hiệu lực từ khi TTK đó được chuyển giao quyền sở hữu. NCQ không được hủy giao dịch chuyển giao quyền sở hữu đã được ABBANK xác nhận.
 - a. Đối với TTK đồng chủ sở hữu, quyền hạn của đồng chủ sở hữu trong việc thực hiện chuyển giao quyền sở hữu TTK được thực hiện theo văn bản thỏa thuận giữa các đồng chủ sở hữu khi KH gửi tiền theo quy định tại ABBANK. Trường hợp tại thời điểm gửi tiền các Bên không có thỏa thuận nêu trên thì việc chuyển quyền sở hữu phải được sự đồng ý của tất cả các đồng chủ sở hữu.

- NCQ và NNCQ phải **trực tiếp** thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu TTK tại quầy giao dịch của ABBANK. NCQ và NNCQ được quyền thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu TTK tại bất kỳ ĐVKD nào của ABBANK.

XV. Trường hợp rút tiền gửi tiết kiệm theo thừa kế

Các khoản tiền gửi cá nhân tại ABBANK khi phát sinh trường hợp thừa kế sẽ được chi trả theo quy định về thừa kế của ABBANK và của Pháp luật.

XVI. Trường hợp TTK không còn nguyên vẹn

1. Trong trường hợp TTK không còn nguyên vẹn thì KH (chủ sở hữu TTK, đồng chủ sở hữu TTK, người đại diện hợp pháp của Chủ TTK) phải **trực tiếp** đến bất kỳ ĐVKD nào của ABBANK thực hiện thủ tục thông báo đối với TTK không còn nguyên vẹn và cung cấp các hồ sơ sau:
 - a. Bản chính TTK không còn nguyên vẹn;
 - b. Giấy tờ xác minh thông tin của KH theo quy định tại Điều 12 Quy định này.
2. Sau khi kiểm tra hồ sơ do KH cung cấp, ĐVKD thu giữ TTK không còn nguyên vẹn và lập Giấy báo TTK không còn nguyên vẹn (Sau đây gọi tắt là “Giấy báo”) cho KH. Giấy báo được lập thành 02 (hai) bản chính, ABBANK lưu 01 (một) bản chính, KH giữ 01 (một) bản chính (có xác nhận của ABBANK).
3. Giấy báo do ABBANK lập cho KH theo mẫu biểu của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ có giá trị pháp lý tương đương như TTK và thay thế cho TTK khi KH thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm tại ABBANK.
4. ABBANK không tái cấp TTK mới cho KH.

Lưu ý: ABBANK có quyền từ chối thực hiện giao dịch đối với TTK không còn nguyên vẹn mà KH không làm thủ tục thông báo theo quy định này.

XVII. Trường hợp mất TTK:

1. Khi phát sinh việc mất TTK, KH phải thông báo ngay cho ĐVKD mở TTK. Trong trường hợp KH thông báo cho ĐVKD khác (không phải là đơn vị mở TTK), thì ĐVKD tiếp nhận thông tin hướng dẫn KH (chủ sở hữu TTK, đồng chủ sở hữu TTK, người đại diện hợp pháp của Chủ TTK) **trực tiếp** đến ĐVKD mở TTK ban đầu để thực hiện thủ tục báo mất TTK ngay trong ngày và giờ làm việc.
Trường hợp đơn vị tiếp nhận thông tin là Tổng đài Dịch vụ khách hàng của ABBANK thì phải hướng dẫn KH (chủ sở hữu TTK, đồng chủ sở hữu TTK, người đại diện hợp pháp của Chủ TTK) **trực tiếp** đến ĐVKD mở TTK ban đầu để thực hiện thủ tục báo mất TTK ngay trong ngày và giờ làm việc.
2. ĐVKD nơi mở TTK yêu cầu KH cung cấp Giấy tờ xác minh thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy định này để đối chiếu thông tin của KH trên hệ thống ABBANK. Sau khi kiểm tra hồ sơ do KH cung cấp nếu khớp đúng, ĐVKD lập Giấy báo mất TTK cho KH, đồng thời thực hiện phong tỏa tạm thời TTK. Thời hạn tạm thời phong tỏa cho đến hết thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này. Giấy báo mất TTK được lập thành 02 (hai) bản chính, ABBANK lưu 01 (một) bản chính, KH giữ 01 (một) bản chính (có xác nhận của ABBANK).
3. Giấy báo mất TTK do ABBANK lập cho KH theo mẫu biểu của ABBANK ban hành trong từng thời kỳ có giá trị pháp lý tương đương như TTK và thay thế cho TTK khi KH thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi tiết kiệm tại ABBANK.
4. ABBANK không tái cấp TTK đã bị mất.
5. KH có thể rút tiền gửi tiết kiệm sau 02 (hai) ngày đối với TTK không kỳ hạn và sau 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ABBANK xác nhận trên giấy báo mất đối với TTK CKH. Hết thời hạn phong tỏa ĐVKD nơi mở TTK thực hiện giải tỏa TTK cho khách hàng.

Lưu ý: ABBANK có quyền từ chối thực hiện giao dịch đối với TTK bị mất mà KH không làm thủ tục thông báo theo quy định này.

XVIII. Phí giao dịch tiền gửi cá nhân:

- Áp dụng theo biểu phí do ABBANK quy định trong từng thời kỳ.

XIX. Các trường hợp phát sinh:

- Các trường hợp phát sinh khác chưa được đề cập trong các nội dung trên, ABBANK sẽ giải quyết theo các quy định khác hiện hành có liên quan của ABBANK ban hành từng thời kỳ hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Pháp luật.



PHẠM DUY HIỀU

